

Bản án số: 341/2022/HSPT

Ngày 19 tháng 5 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Công.

Ông Hoàng Minh Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 584/2021/TLPT-HS ngày 16 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Vũ Văn T và các bị cáo khác do các bị cáo và người bị hại kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2021/HS-ST ngày 11/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1. Bị cáo **Vũ Văn T**, sinh năm 1990 tại tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú: Thôn 13, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Th và bà Vũ Thị L; Vợ là Vũ Thị M, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa từng vi phạm pháp luật; bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/8/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Phạm Văn P**, sinh năm 1990 tại tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn 9, xã T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở: Thôn 15, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm vườn và buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Minh Đ và bà Đinh Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2011/HS-ST ngày 31/3/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng phạt 4 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” và 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 05 năm tù, bị cáo đã chấp hành xong; bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/8/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1988 tại tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn 15, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm vườn và buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Minh Đ và bà Đinh Thị H; vợ là Trần Lệ T, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định số 185/QĐ-XPHC ngày 28/10/2019 của Công an huyện Bảo Lâm phạt 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe người khác xảy ra ngày 29/6/2019, đã chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/01/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo **Vũ Văn T2**, sinh năm 1987 tại tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú: Thôn 13, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Th và bà Vũ Thị L; vợ là Nguyễn Thị T, có 04 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa từng vi phạm pháp luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/01/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Bị cáo **Vũ Văn P**, sinh năm 1987 tại tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú: Thôn 03, xã T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Th1 và bà Ngô Thị Đ; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa từng vi phạm pháp luật; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/01/2020 đến nay, vắng mặt tại phiên tòa.

Người bị hại có kháng cáo:

1. Ông Trần Quang S, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 13, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1988 (và cũng là bị cáo trong vụ án).

Người bào chữa cho các bị cáo:

1. Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Vũ Văn T: Luật sư Nguyễn Tuấn Hải – Văn phòng Luật sư Phan Công Quyền, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

2. Bào chữa cho bị cáo Phạm Văn P, bị cáo Phạm Văn Đ; đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại Trần Quang S: Luật sư Phan Thúc Định và Luật sư Phạm Công Thức - Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Hãng Luật Quốc tế Bình Dương - Chi nhánh tỉnh Bình Dương, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra còn có người bị hại Vũ Văn Th2, người đại diện hợp pháp của bị hại Vũ Văn Th2 không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, vợ chồng anh Vũ Văn Th2 chuyển nhượng đất cho vợ chồng anh Võ Thành T giá 470.000.000 đồng, đã trả 170.000.000 đồng, còn nợ lại 300.000.000 đồng thỏa thuận trả trong 03 năm. Khoảng 13 giờ ngày 31/01/2019, Vũ Văn T2 (là em ruột Vũ Văn Th2) sau khi đã uống rượu thì đến nhà anh Võ Thành T đòi nợ giúp Th2 100.000.000 đồng nhưng không gặp Võ Thành T ở nhà, mà gặp cha anh Võ Thành T là ông Võ Văn P (sinh năm 1959) thì hai bên có lời qua Vũ Văn Tg lại, T2 dùng tay đẩy ông Võ Văn P ngã xuống nền nhà. Lúc này có Phan Trọng T và Lê Phùng T đang uống rượu ở nhà anh T3 (con ông Võ Văn P) gần đó nghe ồn ào nên đến can ngăn. Cho rằng T2 có thái độ hỗn xược với ông Võ Văn P nên Lê Phùng T dùng tay đâm vào mặt T2, cùng lúc này Phạm Văn Đ đi ăn tất niên về thấy thì kêu T2 đi về nhưng T2 không chịu về nên Phạm Văn Đ dùng tay tát vào mặt T2 và đuổi T2 về. Sau khi T2 ra về thì Phạm Văn Đ, Lê Phùng T, Phan Trọng T quay lại nhà anh T3 tiếp tục uống rượu khoảng 15 phút thì Lê Phùng T về nhà ngủ.

Vũ Văn T2 về kể sự việc lại cho em trai Vũ Văn T, em họ Vũ Văn P và Vũ Văn Th2 nghe. Nghe xong, Th2 điện thoại kêu Lê Văn T đến gặp và hỏi Phạm Văn Đ vì sao đánh T2. Do quen biết với nhau nên Lê Văn T chạy xe đến nhà Phạm Văn Đ thì thấy Phạm Văn Đ đang nhậu ở nhà T3 nên Phạm Văn Đ vào cùng nhậu chung.

Một lúc sau thì Th2, Vũ Văn T, Vũ Văn P và T2 cũng đến nhà T3. Lúc này có bạn của T3 gồm: Trần Văn D, Đồng Văn T và Nguyễn Văn Q đến nhà T3 chơi. Lê Văn T hỏi Phạm Văn Đ ai là người đánh T2 thì hai bên lời qua tiếng lại, Phạm Văn Đ dùng tay đâm vào mặt T2, T2 dùng tay đâm lại Phạm Văn Đ; Vũ Văn P và T2 dùng tay xô đẩy, giằng co với Phạm Văn Đ thì Phạm Văn Đ dùng tay đâm trúng mặt Vũ Văn P nên Vũ Văn P buông Phạm Văn Đ ra. Phạm Văn Đ và T2 xô đẩy nhau ra hướng cửa chính thì T2 bỏ chạy ra ngoài đường.

Lúc này Th2 cầm dao mã tấu tự chế, mũi nhọn dài 76,5cm, lưỡi dài 59cm, rộng 03cm chạy đến đâm trúng ngực của Phạm Văn Đ. Phạm Văn P là em ruột Phạm Văn Đ đi ăn tất niên về thấy nên đi vào thì bị nhóm của Th2 đuổi đánh. Phạm Văn P bỏ chạy thì bị ngã, thấy cục bê tông nên cầm cục bê tông quay lại ném trúng đầu Th2 làm Th2 gục xuống hiên nhà. T2, Vũ Văn P cầm cây sắt (vật liệu xây nhà T3 còn thừa) chạy đến đánh Phạm Văn P thì Phạm Văn P bỏ chạy, cả hai không đuổi theo mà quay lại chỗ Th2.

Cùng lúc này, Vũ Văn T rút con dao dài khoảng 17cm bằng kim loại, cán dao dài khoảng 08cm, mũi nhọn, sống dao hình răng cưa, lưỡi rộng khoảng 02cm từ trong túi quần ra chạy đến đâm nhiều nhát vào người ông Trần Quang S (là cha vợ của Phạm Văn Đ đến can ngăn) làm ông Trần Quang S ngã xuống đường. Vũ Văn T quay lại đuổi và dùng dao đâm trúng vùng mặt của Phạm Văn P rồi dùng chân đạp vào người Phạm Văn P làm Phạm Văn P ngã xuống mương thoát nước bên đường, sau đó Vũ Văn T quay lại nhà T3 dùng dao đâm nhiều nhát trúng bụng của Phạm Văn Đ cho đến khi T3 và chị Trần Lệ T (vợ Phạm Văn Đ) can ngăn thì Vũ Văn T mới dừng lại.

Giấy chứng nhận thương tích số 411/CN.BVCR ngày 29/3/2019 của bệnh viện Chợ Rẫy Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện Trần Quang S: “01 vết thương

vùng ngực phải và vết thương vùng lưng vào bờ sườn (P), 01 vết thương lưng (P)”. Kết luận giám định pháp y về thương tích số 126/2019-TgT ngày 14/5/2019 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Trần Quang S là 61% theo nguyên tắc cộng lùi. Tổn thương do vật sắc nhọn gây nên. Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 110/C09B Ngày 07/01/2021 của Viện KHHS tại Thành Phố Hồ Chí Minh kết luận: Vết thương vùng ngực phải là do vật sắc, vật sắc nhọn gây nên theo chiều từ phải qua trái; vết thương vùng thắt lưng phải là do vật sắc nhọn gây nên, theo chiều hướng từ sau ra trước. Không có mẫu vật gửi giám định, không đủ cơ sở khoa học kết luận chính xác.

Giấy chứng nhận thương tích số 150/19BVCHPHCNTPHCM ngày 05/9/2019 của Bệnh viện CHPHCN Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện Vũ Văn Th2: “*Dập não, xuất huyết não hai bên trán, thái dương phải, máu tụ dưới màng cứng thái dương đỉnh trái, nứt sọ trán phải phải đỉnh trái, trần hốc mắt phải, rối loạn tâm thần sau chấn thương*”. Kết luận giám định pháp y về thương tích số 116/2019-TgT ngày 02/5/2019 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Vũ Văn Th2 là 38% theo nguyên tắc cộng lùi. Tổn thương do vật cứng có cạnh gây nên.

Quá trình điều tra nhận thấy Vũ Văn Th2 có biểu hiện không bình thường nên Cơ quan điều tra trưng cầu giám định tâm thần. Kết luận giám định pháp y về tâm thần số 640/KL-VPYTW ngày 20/11/2019 của Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa kết luận Vũ Văn Th2: Về y học: Trước, trong khi gây án: không có bệnh tâm thần; Sau khi gây án, hiện nay: bị bệnh hội chứng sau chấn động não (F07.2-ICD.10); Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án: Đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; Hiện nay: Mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Giấy chứng nhận thương tích số 42/CN ngày 04/4/2019 của Bệnh viện II Lâm Đồng chứng nhận Phạm Văn Đ: “*01 vết thương liên sườn 8-9 đường nách trước (T) dài 3 cm, sâu 4 cm, đứt cơ thẳng bụng (T); 02 vết thương ngực, 01 vết thương hông dài 4 cm phôi ruột*”. Kết luận giám định pháp y về thương tích số 123/2019-TgT ngày 14/5/2019 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Phạm Văn Đ là 38% theo nguyên tắc cộng lùi. Tổn thương do vật sắc nhọn gây nên.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 109/C09B Ngày 11/01/2021 của Viện KHHS tại Thành Phố Hồ Chí Minh kết luận: Các thương tích trên người Phạm Văn Đ có đặc điểm phù hợp do vật sắc nhọn gây ra; con dao gửi giám định là vật sắc nhọn nên tạo ra được các tổn thương có đặc điểm như các thương tích trên người của Phạm Văn Đ; con dao ghi nhận theo lời khai của Vũ Văn T không có mẫu vật gửi giám định nên không có cơ sở khoa học kết luận giám định.

Giấy chứng nhận thương tích số 45/CN ngày 10/4/2019 của Bệnh viện Lâm Đồng thể hiện Phạm Văn P: “*01 vết thương mắt, gãy xương bàn II, III, IV chân (T)*”. Kết luận giám định pháp y về thương tích số 125/2019-TgT ngày 14/5/2019 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể

do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Phạm Văn P là 27% theo nguyên tắc cộng lùi. Tổn thương do vật sắt gây nên (vết thương mặt phải 3cm); tổn thương do vật tày gây nên (Gãy xương bàn 2-3-4 chân trái).

Cơ quan điều tra thu giữ vật chứng gồm 01 đoạn sắt vuông, 01 con dao mã tấu tự chế, 01 thanh kim loại, 01 cây kéo bằng kim loại, 01 điện thoại di động và các quần áo của Vũ Văn T và Vũ Văn P có dính chất màu nâu sẫm.

Cơ quan điều tra truy tìm nhưng không thu được con dao Vũ Văn T sử dụng để đâm Phạm Văn Đ và cục bê tông Phạm Văn P sử dụng để đánh Th2.

Bị hại Trần Quang S yêu cầu bồi thường tổng cộng 219.026.000 đồng; Phạm Văn Đ yêu cầu bồi thường 155.624.000 đồng; Phạm Văn P yêu cầu bồi thường 20.000.000 đồng và người đại diện hợp pháp của Vũ Văn Th2 yêu cầu bồi thường 2.259.400.000 đồng.

Bị cáo Vũ Văn T đã bồi thường cho Trần Quang S 150.000.000 đồng và bồi thường cho Phạm Văn Đ 20.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 20/CT-VKS-P2 ngày 19/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội “*Giết người*” theo điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự; bị cáo Phạm Văn P về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự; các bị cáo: Vũ Văn T2, Vũ Văn P về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự; bị cáo Phạm Văn Đ về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo khoản 1 Điều 318 của Bộ luật hình sự.

Đối với Vũ Văn Th2 có hành vi dùng dao tự chế đâm trúng vào ngực của Phạm Văn Đ gây thương tích. Quá trình điều tra Th2 bị bệnh hội chứng chấn động não gây mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Ngày 27/02/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với Vũ Văn Th2. Vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra quyết định tạm đình chỉ điều tra để giải quyết sau.

Đối với hành vi của Vũ Văn T dùng dao gây thương tích cho Phạm Văn P ở vùng mặt tỷ lệ thương tật 6% trong quá trình điều tra Phạm Văn P không yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với hành vi của Vũ Văn T.

Riêng các đương sự Võ Văn T, Lê Văn T, Đồng Văn T, Nguyễn Văn Q, Trần Văn D có mặt tại hiện trường nhưng không tham gia đánh nhau. Nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với những người này.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2021/HS-ST ngày 11/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội “*Giết người*”; bị cáo Phạm Văn P phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”; các bị cáo: Vũ Văn T2, Vũ Văn P, Phạm Văn Đ phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”;

- Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 38; khoản 3 Điều 57; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/8/2019.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm e, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn P 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/8/2019.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T2 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn P 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/11/2021, bị cáo Vũ Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 24/11/2021, bị cáo Phạm Văn P có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét bị cáo chỉ phạm tội cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng và xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18/11/2021, bị cáo Vũ Văn T2 và bị cáo Vũ Văn P đều có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 22/11/2021, bị cáo Phạm Văn Đ có đơn kháng cáo xin hưởng án treo và yêu cầu tuyên bố bị cáo Vũ Văn T2 và Vũ Văn P phạm tội “Giết người” với vai trò đồng phạm.

Ngày 22/11/2021, người bị hại Trần Quang S có đơn kháng cáo yêu cầu tuyên bố bị cáo Vũ Văn T2 và Vũ Văn P phạm tội “Giết người” với vai trò đồng phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bị cáo Vũ Văn T khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như án sơ thẩm đã xử, không oan. Chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét chấp kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về chăm sóc cha mẹ già và nuôi các con còn nhỏ.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ Văn T đề nghị xem xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo, có con còn nhỏ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội đã ăn năn hối cải.

- Bị cáo và cũng là người bị hại Phạm Văn P thống nhất về tội danh mà Tòa án sơ thẩm đã tuyên xử đối với bị cáo. Nên bị cáo rút yêu cầu kháng cáo về tội danh. Bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo (và cũng là người bị hại) Phạm Văn P đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm 1, c khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm hình phạt cho bị cáo. Tuyên phạt bị cáo bằng với thời giam tạm giam để bị cáo sớm trở về sum họp gia đình.

- Bị cáo (và cũng là người bị hại) Phạm Văn Đ rút kháng cáo về yêu cầu xem xét 02 bị cáo Vũ Văn T2 và Vũ Văn P phạm tội “Giết người” với vai trò đồng phạm với bị cáo Vũ Văn T. Bị cáo Phạm Văn Đ giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện nuôi dạy con còn nhỏ và có cơ hội thăm nuôi người em cũng bị kết án trong cùng vụ án.

Luật sư bào chữa cho bị cáo (và cũng là người bị hại) Phạm Văn Đ có ý kiến:

Bản án sơ thẩm áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là chưa phù hợp vì bản án hình sự xử năm 2007 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính và nộp án phí xong vào năm 2008. Bị hại không có yêu cầu thi hành án và cơ quan Thi hành án cũng có xác nhận do người bị hại không có yêu cầu thi hành án. Thời điểm bị cáo phạm tội thì thời hiệu yêu cầu thi hành án đã hết. Nên bị cáo được xóa án tích theo quy định tại Điều 70 Bộ luật hình sự. Hiện tại bị cáo cũng là bị hại trong vụ án và bị thương tích với tỷ lệ thương tật 38% , hiện tại bị cáo có nơi cư trú rõ ràng có hoàn cảnh rất khó khăn. Vì vậy đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bị cáo cho bị cáo Phạm Văn Đ được hưởng án treo.

- Bị cáo Vũ Văn T2 khai: Bị cáo có cầm cây sắt và rượt đuổi theo Phạm Văn P nhưng không có đánh ai. Bản thân bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có công việc ổn định nên xin được hưởng án treo để có cơ hội chăm sóc cha mẹ già, nuôi dưỡng con còn nhỏ và thăm nuôi người anh là bị cáo Vũ Văn T trong cùng vụ án phải chấp hành án phạt tù.

- Bị cáo Vũ Văn P có kháng cáo xin hưởng án treo nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Người bị hại Trần Quang S rút toàn bộ kháng cáo rút kháng cáo về yêu cầu xem xét 02 bị cáo Vũ Văn T2 và Vũ Văn P phạm tội “Giết người” với vai trò đồng phạm với bị cáo Vũ Văn T.

Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị hại Trần Quang S đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm do ông Sỹ rút T2 bộ đơn kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

Xét bị cáo Vũ Văn P vắng mặt tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định pháp luật.

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn P, Phạm Văn Đ, Vũ Văn T2, Vũ Văn P và đơn kháng cáo của người bị hại Trần Quang S đều hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội “Giết người” theo điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự; bị cáo Phạm Văn P phạm

tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự; các bị cáo: Vũ Văn T2, Vũ Văn P phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Đồng thời đã xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết gì mới nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của tất cả các bị cáo.

Tại phiên tòa người bị hại Trần Quang S rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo và các bị cáo Phạm Văn P, Phạm Văn Đ rút kháng cáo về yêu cầu xem xét 02 bị cáo Vũ Văn T2 và Vũ Văn P phạm tội “*Giết người*” với vai trò đồng phạm với bị cáo Vũ Văn T. Nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các đơn kháng cáo của các bị cáo: Vũ Văn T, Phạm Văn P, Phạm Văn Đ, Vũ Văn T2, Vũ Văn P và đơn kháng cáo của người bị hại Trần Quang S đều đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.1] Phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị cáo Vũ Văn P vắng mặt, sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn Vũ Văn T hành xét xử phúc thẩm vụ án.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phạm Văn P rút kháng cáo về yêu cầu xem xét lại tội danh của bị cáo. Bị cáo (cũng là bị hại) Phạm Văn Đ rút kháng cáo về yêu cầu xem xét 02 bị cáo Vũ Văn T2 và Vũ Văn P phạm tội “*Giết người*” với vai trò đồng phạm với bị cáo Vũ Văn T. Bị hại ông Trần Quang S rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo về yêu cầu xem xét 02 bị cáo Vũ Văn T2 và Vũ Văn P phạm tội “*Giết người*” với vai trò đồng phạm với bị cáo Vũ Văn T. Do đó đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị cáo Phúc, bị cáo Phạm Văn Đ và bị hại Trần Quang S đã rút.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định pháp y, biên bản thu giữ vật chứng, lời khai của người bị hại, lời khai của những người làm chứng cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định: Vào ngày 31/01/2019, sau khi nghe Vũ Văn T2 kể sự việc bị Phạm Văn Đ đánh thì Vũ Văn T, Vũ Văn P, Vũ Văn Th2, Vũ Văn T2 đến nhà anh T3 hỏi Phạm Văn Đ lý do vì sao đánh T2, sau đó hai bên lời qua tiếng lại, Phạm Văn Đ dùng tay nắm vào mặt T2, T2 dùng tay nắm lại Phạm Văn Đ; Vũ Văn P và T2 dùng tay xô đẩy với Phạm Văn Đ thì Phạm Văn Đ dùng tay nắm trúng mặt Vũ Văn P nên Vũ Văn P buông Phạm Văn Đ ra. Phạm Văn Đ và T2 xô đẩy nhau thì T2 bỏ chạy ra ngoài đường. Vũ Văn Th2 cầm mã tấu tự chế đâm trúng ngực Phạm Văn Đ một nhát. Phạm Văn P lượm cục bê tông ném trúng đầu Th2 (tỷ lệ thương tật 38%, hiện tại Th2 mất khả năng nhận thức, điều khiển hành vi). T2 và Vũ Văn P cầm cây sắt chạy đến đánh Phạm Văn P nhưng Phạm Văn P bỏ chạy sau đó T2 và Vũ Văn P quay trở lại chỗ Th2. Vũ Văn T rút dao từ

trong túi quần ra đâm vào ông Trần Quang S (tỷ lệ thương tật 61%), sau đó Vũ Văn T dùng dao đâm nhiều nhất trúng vùng bụng của Phạm Văn Đ. Phạm Văn Đ bị tỷ lệ thương tật do Th2 và Vũ Văn T gây ra là 38%. Do đó Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội “*Giết người*” theo điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự; bị cáo Phạm Văn P phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự; các bị cáo: Vũ Văn T2, Vũ Văn P phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, gây tác hại rất xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương nên phải xử phạt nghiêm.

[3.1] Đối với bị cáo Vũ Văn T, chỉ vì nghe T2 kể lại sự việc bị Phạm Văn Đ dùng tay tát vào mặt T2 mà Vũ Văn T đã cùng T2, Vũ Văn P đến gặp Phạm Văn Đ, khi T2, Vũ Văn P và Phạm Văn Đ lời qua tiếng lại, ông Trần Quang S đến can ngăn thì Vũ Văn T rút dao từ trong túi quần ra đâm trúng ông S (tỷ lệ thương tật 61%), sau đó Vũ Văn T tiếp tục dùng dao đâm nhiều nhất trúng vùng bụng của Phạm Văn Đ (Phạm Văn Đ bị tỷ lệ thương tật do Th2 và Vũ Văn T gây ra là 38%). Các bị hại Trần Quang S và Phạm Văn Đ không chết là do được cứu chữa kịp thời. Tòa án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo Vũ Văn T với mức hình phạt đã tuyên là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Văn T và lời đề nghị của Luật sư đề nghị giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[3.2] Bị cáo Phạm Văn P cho rằng bị cáo phạm tội là do một phần lỗi của bị hại Th2 đã rượt đuổi bị cáo, khi bị té ngã bị cáo đã cầm đá ném trúng vào đầu Th2 gây tỷ lệ thương tật cho Th2 38%. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Bản án sơ thẩm cũng đã cân nhắc, xem xét và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm e, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự tuyên xử bị cáo với mức án 4 năm tù là tương xứng. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phúc và lời đề nghị của Luật sư đề nghị giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[3.3] Đối với Vũ Văn T2 dùng tay xô đẩy với Phạm Văn Đ trước cửa nhà anh T3. Sau đó T2 và Vũ Văn P tiếp tục cầm cây sắt lượm tại nhà anh T3 rượt đuổi theo Phạm Văn P, làm mất trật tự tại địa phương. Tuy nhiên mức hình phạt mà sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo 03 năm tù là quá nghiêm khắc. Xét gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có con còn nhỏ lớn nhất sinh năm 2010 và nhỏ nhất sinh năm 2020, trong quá trình điều tra bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có quá trình nhân thân tốt, trước khi phạm tội thì bị cáo chưa từng vi phạm pháp luật, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng để Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục. Nên bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 của bộ luật hình sự về án treo và không thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 3

của Nghị quyết này và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP Ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo vẫn đảm bảo khả năng tự cải tạo của bị cáo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội.

Do đó chấp nhận kháng cáo của bị cáo và lời đề nghị của Luật sư, xử phạt bị cáo T2 03 năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[3.4] Đối với bị cáo Vũ Văn P cùng với bị cáo T2 dùng tay xô đẩy với Phạm Văn Đ trước cửa nhà anh T3. Sau đó T2 và Vũ Văn P tiếp tục cầm cây sắt lượm tại nhà anh T3 rượt đuổi theo Phạm Văn P, làm mất trật tự tại địa phương. Án sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo với mức án 02 năm tù là có căn cứ. Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo. Tuy nhiên bị cáo không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật kém, khả năng tự cải tạo của bị cáo là hạn chế. Do đó không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Văn P xin được hưởng án treo là có căn cứ.

[3.5] Đối với bị cáo Phạm Văn Đ có lời qua tiếng lại với Vũ Văn P, T2 và có dùng tay đánh vào mặt T2 làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Án sơ thẩm tuyên xử bị cáo 03 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” là có căn cứ. Tuy nhiên án sơ thẩm nhận định bị cáo có một tiền án theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là chưa phù hợp. Bởi vì bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính và đã nộp án phí theo Bản án hình sự sơ thẩm năm 2007, riêng đối với phần trách nhiệm dân sự bồi thường 75.000 đồng, thì Cơ quan thi hành án có xác nhận bị hại là người được thi hành án dân sự không có đơn yêu cầu thi hành án và Cơ quan Thi hành án dân sự không có thông báo cho bị cáo thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Theo xác nhận của chính quyền địa phương thì người được thi hành án không có mặt tại địa phương. Do đó bị cáo được xem là đương nhiên xóa án tích theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật hình sự. Sau khi vụ án xảy ra giữa bị cáo Phạm Văn Đ và bị cáo Vũ Văn P có xảy ra cự cãi dẫn đến xô xát ngày 29/6/2019 nên bị Công an huyện Bảo Lâm phạt 2.500.000 đồng, sau đó Phạm Văn Đ đã chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính, do đó án sơ thẩm bị cáo không có tiền sự là có căn cứ.

Xét thấy bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo cũng là bị hại trong vụ án, bị tỷ lệ thương tật 38%. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng để Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục. Nên bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 của bộ luật hình sự về án treo và không thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP Ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một

số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó chấp nhận kháng cáo của bị cáo và lời đề nghị của Luật sư, xử phạt bị cáo 03 tháng tù và cho bị cáo được hưởng án treo và giao và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo của bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn P, Phạm Văn P là có căn cứ riêng đối với các bị cáo Vũ Văn T2, Phạm Văn Đ là chưa phù hợp với nhận định trên.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn P, Vũ Văn P phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định. Các bị cáo Vũ Văn T2, Phạm Văn Đ kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; về xử lý vật chứng; về án phí sơ thẩm; trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc kháng cáo của bị hại Trần Quang S yêu cầu xem xét các bị cáo bị cáo Vũ Văn T2 và bị cáo Vũ Văn P phạm tội “Giết người” với vai trò là đồng phạm với bị cáo Vũ Văn T;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc kháng cáo của bị cáo (đồng thời là bị hại) Phạm Văn Đ yêu cầu xem xét các bị cáo Vũ Văn T2 và bị cáo Vũ Văn P phạm tội “Giết người” với vai trò là đồng phạm với bị cáo Vũ Văn T;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc kháng cáo của bị cáo Phạm Văn P kháng cáo yêu cầu xác định bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

2. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn P, Vũ Văn P. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2021/HS-ST ngày 11/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng về hình phạt đối với các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn P, Vũ Văn P.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Văn T2, Phạm Văn Đ. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2021/HS-ST ngày 11/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng về hình phạt đối với các bị cáo Vũ Văn T2, Phạm Văn Đ.

2.1. Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội “Giết người”;

Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 38; khoản 3 Điều 57; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 14 (*mười bốn*) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/8/2019.

2.2. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn P phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”;

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm e, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn P 04 (*bốn*) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/8/2019.

2.3. Tuyên bố bị cáo Vũ Văn P phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Vũ Văn P 02 (*hai*) năm tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.4. Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T2 phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; các Điều 58, 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T2 03 (*ba*) năm tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 05 (*năm*) năm, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án phúc thẩm 19/5/2022.

Giao bị cáo Vũ Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Vũ Văn T2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 93 Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, bị cáo Vũ Văn T2 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo Vũ Văn T2 phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.5. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 03 (*ba*) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 01 (*một*) năm, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án phúc thẩm 19/5/2022.

Giao bị cáo Phạm Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Phạm Văn Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 93 Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, bị cáo Phạm Văn Đ cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo Phạm Văn Đ phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Mỗi bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn P, Vũ Văn P phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo Phạm Văn Đ, Vũ Văn T2 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; về xử lý vật chứng; về án phí sơ thẩm; trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**